

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2022/HNGĐ-ST
Ngày 09- 3 - 2022
V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Tám
2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi

Thư ký phiên toà: Ông Phạm Minh Cảnh- Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên toà:
Ông Lưu Tiến Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 53/2021/TLST-HNGĐ ngày 25/02/2021 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/01/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Trương Kim V, sinh năm 1987

Địa chỉ: ấp Hậu G 1, xã Tân H, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* anh Nguyễn Trung Đ, sinh năm 1988.

Địa chỉ: ấp Hiệp Th, xã Hiệp X, huyện Phú T, tỉnh An Giang

(Chị V yêu cầu vắng mặt, anh Đ vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện:

Vào năm 2011, chị và anh Đ kết hôn với nhau, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hiệp Xương (Giấy chứng nhận kết hôn số 29/2011, ngày 18/4/2011). Nguyên nhân mâu thuẫn: sau khi cưới nhau, chị và anh Đ lên Bình Dương làm công nhân, anh Đ không chung thủy, vợ chồng không còn tin tưởng nhau nên quyết định chia tay vào năm 2015, có làm giấy viết

tay thỏa thuận ly hôn, đã ly thân từ đó đến nay.

Nay chị yêu cầu ly hôn với anh Đ. Về con chung, về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn: Tòa án đã triệu tập hợp lệ 02 lần để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và 02 lần để xét xử, nhưng bị đơn đều vắng mặt không rõ lý do, nên không ghi nhận được ý kiến.

Tòa án tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân được ông Trương Thành S (cha ruột của chị V) cho biết: vợ chồng V – Đ có đám cưới và đăng ký kết hôn năm 2011, chung sống không có con, chính vì vậy mà anh Đ không chung thủy, quen với người phụ nữ khác, V ghen nên vợ chồng dẫn đến cự cãi và đã làm tờ giấy thỏa thuận ly hôn tại nhà trọ ở Bình Bình, từ năm 2015 đến nay V và Đ không còn chung sống.

Tòa án tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân được ông Trần Văn K – Trưởng ban ấp Hiệp Thuận, xã Hiệp Xương cho biết anh Đ là con của ông Nguyễn Văn T (đã chết), ông T có nhà trên địa bàn ấp Hiệp Thuận nhưng nhà đóng cửa, anh Đ không có ở nhà do đi làm xa, Đ có vợ và có mâu thuẫn vợ chồng hay không thì địa phương không biết.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham dự phiên tòa, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Qua đó, cho thấy bị đơn đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Quan điểm giải quyết vụ án: Về hôn nhân chị V, anh Đ có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn do anh Đ không chung thủy, đã ly thân không thể hàn gắn, nên chị V yêu cầu xin ly hôn với anh Đ, cho thấy hôn nhân của anh chị mâu thuẫn trầm trọng, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị V được ly hôn với anh Đ. Về con chung, chia tài sản và nợ chung không có, không xem xét; về án phí, chị V phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn thực hiện quyền khởi kiện bị đơn về việc ly hôn và bị đơn có nơi cư trú tại xã Hiệp Xương, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết vụ án dân sự về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình về “Ly hôn” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] *Về nội dung:*

[3.1] *Về yêu cầu ly hôn:* Mỗi quan hệ hôn nhân giữa chị V, anh Đ được xác lập trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy, cuộc sống hôn nhân vợ chồng nếu muốn có được hạnh phúc dài lâu và đạt được mục đích thì vợ chồng phải bình đẳng với nhau về quyền và nghĩa vụ, phải biết thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau. Tòa án đã triệu tập anh Đ để tham gia hòa giải 02 lần và trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh Đ đều vắng mặt, mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ sự không chung thủy và đã có bàn bạc thỏa thuận ly hôn bằng tờ giấy viết tay, thời gian ly thân kéo dài trên 06 năm không hàn gắn được, tại bản tự khai chị V cương quyết yêu cầu ly hôn với anh Đ, nếu tiếp tục duy trì thì sẽ không đảm bảo hạnh phúc nên cần chấp nhận cho chị V được ly hôn với anh Đ là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] *Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con:*

Chị V xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] *Về tài sản chung:* Chị V xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] *Về nợ chung:* Ghi nhận chị V xác định không có nợ chung, nhưng

sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị V phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Đ không phải chịu án phí hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 238, Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Kim V.

1. Về hôn nhân: chị Trương Kim V được ly hôn với anh Nguyễn Trung Đ.
2. Về con chung: Không có.
3. Về tài sản chung: Không có.
4. Về nợ chung: Ghi nhận chị V xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Trương Kim V phải chịu 300.000 đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0001869 ngày 25/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân. Anh Nguyễn Trung Đ không phải chịu án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền

yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS H. Phú Tân;
- UBND xã Hiệp Xương, H. Phú Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Nhung